TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:16/2018/DS-ST
Ngày: 07 - 3 - 2018
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, nhà & chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2.Bà Trần Thị Kim Hoa
-Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên

Trong các ngày 05, 07 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2017/TLST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1947 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đức Hạnh 2, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2.Bị đơn:

*2.1/*Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: 68/26 Hùng Vương, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An

2.2/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Gò Cao, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2.3/ Nguyễn Công Ch, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đức Hạnh 2, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2.4/ Nguyễn Văn G, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đức Hạnh 2, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Nguyễn Thị H2, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đức Ngãi 2, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.2/Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đức Hạnh 2, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

3.3/Nguyễn Thị U, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, Long An

3.4/Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1973 (vắng mặt)

3.5/ Ông Trần Quốc T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

3.6/ Trần Thị Thúy H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

3.7/ Trần Thị Thúy Ng sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đức Hạnh 2, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.8/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943 (vắng mặt)

3.9/ Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1979 (vắng mặt)

3.10/ Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp Bàu Dài, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3.11/ Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa

Địa chỉ: Ô 7, Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Người đại diện: Ông Trần Văn L, Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền ông L là ông Nguyễn Minh Tr – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa (Theo văn bản ủy quyền số 3467/GUQ-CT ngày 12/6/2017) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2017 và trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K trình bày như sau:

Cha bà tên Nguyễn Văn Gh và mẹ tên Lương Thị Nh (cả hai người đã chết không nhớ năm nào). Cha mẹ bà sinh được 10 người con: Nguyễn Thị Kh (chết không chồng con), Nguyễn Văn S (chết, có vợ tên Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Ph và Nguyễn Văn C), Nguyễn Thị K (là bà), Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Công Ch, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị Ú. Do không có chồng con nên vào năm 1973, cha mẹ bà cho bà và bà Kh ra cất nhà ở riêng giáp ranh với nhà cha mẹ tại ấp Đức Hạnh 2, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Năm 1976, bà và bà Kh không ở trên đất của cha mẹ mà hai người tự lao động dành dụm mua được phần đất diện tích 2.564m^2 thuộc các thửa 214, 215 tờ bản đồ số 4 xã Đức Lập Hạ, thửa 129 tờ bản đồ số 11 xã Đức Lập Hạ cất nhà ở như hiện nay. Năm 1980, bà và bà Kh mua được 1.870m^2

đất thuộc thửa 488 tờ bản đồ số 12 xã Đức Lập Thượng huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất trên do bà Nguyễn Thị Kh đứng tên. Ngày 18/01/2015, bà Nguyễn Thị Kh bị tai nạn giao thông chết đột ngột không để lại di chúc. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho bà ½ số tài sản trên, phần còn lại là của bà Kh bà xin nhận thừa kế toàn bộ không đồng ý chia cho bất cứ ai vì toàn bộ khối tài sản trên là công sức của bà và bà Kh tự tạo, không phải đất cha mẹ cho.

Bị đơn trình bày:

1.Ông Nguyễn Công Ch trình bày: Ông xác nhận về mối quan hệ huyết thống giữa ông và bà Kh, bà K, họ tên cha mẹ, số con của cha mẹ sinh ra còn sống và đã chết như bà K nêu trên là đúng. Nguồn gốc tài sản bà Kh và bà K tạo lập như bà K nêu trên là đúng. Ông có ý kiến số tài sản trên là ½ của bà Kh, ½ là của bà K. Bà Kh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Kh chết 2015 do tai nạn giao thông không để lại di chúc, bà K được sở hữu ½ của bà, phần nữa còn lại của bà Kh ông chưa có yêu cầu chia đồng ý để bà K quản lý sử dụng thờ cúng bà Kh.

2.Bà Nguyễn Thị Tr có văn bản trình bày như sau: Bà cũng thống nhất về mối quan hệ huyết thống với bà Kh. Về khối tài sản bà Kh và bà K tạo lập do bà Kh đứng tên. Nay bà Kh chết, bà không có ý kiến tranh chấp gì và có ý kiến xin giải quyết vắng mặt.

3.Bà Nguyễn Thị H1 trình bày như sau: bà thống nhất về mối quan hệ huyết thống giữa bà Kh và bà K với bà như bà K nêu. Thống nhất nguồn gốc nhà đất nêu trên do bà Kh đứng tên là tài sản chung của hai bà Kh và K tạo lập. Bà Kh chết thì khối tài sản này chia đôi mỗi người một nữa bà K được hưởng của bà một nữa, còn lại của bà Kh thì để lại cho con của ông Ch cúng bà Kh cháu đó tên Nguyễn Duy Th kêu bà Kh bằng cô. Riêng bà không có yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Kh.

4.Ông Nguyễn Văn G trình bày như sau: Ông thống nhất lời trình bày của bà K về mối quan hệ huyết thống, nguồn gốc nhà đất do bà Nguyễn Thị Kh đứng tên. Bà Kh chết, bà K có ý kiến chia đôi cho bà một phân nữa là ông đồng ý, phân nữa còn lại của bà Kh vẫn để nguyên dùng vào việc thờ cúng bà Kh không ai được chia. Đối với ông thì ông chưa có yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Kh chết để lại.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông bà Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị H2 thống nhất trình bày: Cha các ông bà cũng thống nhất mối quan hệ huyết thống giữa bà Kh, K, G, Ch, Tr, H1 với các bà và nguồn gốc tài sản quyền sử dụng nhà đất do bà Kh đứng tên. Nay bà Kh chết,

qua yêu cầu khởi kiện của bà K yêu cầu chia ½ khối tài sản của bà trong khối tài sản chung với bà Kh và bà xin thừa kế tài sản của bà Kh các bà thống nhất. Đối với các bà không nhận thừa kế tài sản của bà Kh, kỷ phần của các bà tặng cho bà K thừa hưởng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn C con và vợ của ông Nguyễn Văn S trình bày: Các ông bà không có tranh chấp xin chia thừa kế tài sản của bà Kh chết để lại và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh Th, Trần Quốc T, Trần Thị Thúy Ng, Trần Thị Thúy H trình bày: Bà Th chung sống với bà Kh và K từ lúc 03 tháng tuổi, bà lấy chồng là ông T và sinh hai con tên H và Ng cũng sinh sống với bà K và bà Kh cùng làm ăn chung. Nay bà Kh chết bà và chồng cùng các con chưa có yêu cầu chia công sức đóng góp với bà K và bà Kh. Bà rút lại yêu cầu chia công sức với khối tài sản bà Kh và bà K. Ông T cùng các con H và Ng thống nhất lời trình bày của bà Th.

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đức Hòa trình bày: Nguồn gốc thửa 488 tờ bản đồ 12 xã Đức Lập Thượng của bà Nguyễn Thị Kh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị L vào năm 2000. Đối với các thửa đất 214, 215 tờ bản đồ số 4 và 11 xã Đức Lập Hạ theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện nguồn gốc đất. UBND huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kh ngày 06/12/1997 với tổng diện tích 3.664m^2 gồm ba thửa đất tọa lạc tại xã Đức Lập Hạ là căn cứ vào danh sách các hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu trung ương đã được Hội đồng đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Đức Lập Hạ thông qua tại biên bản và tờ trình của UBND xã Đức Lập Hạ về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Tờ trình số 75/TT.RĐ.GCN ngày 06/12/1997 của Phòng địa chính và quyết định số 891/QĐ.UB ngày 06/12/1997 của UBND huyện Đức Hòa về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho đơn vị xã Đức Lập Hạ và 1.031 cá nhân có tên trong danh sách, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Kh. Ngày 16/10/2000, UBND huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kh diện tích 1.870m^2 thửa đất 488 tờ bản đồ số 12 xã Đức Lập Thượng là căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L với bà Nguyễn Thị Kh được UBND xã Đức Lập Thượng chứng thực ngày 25/5/2000. Quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Kh. Bà được nhận ½ khối tài sản của bà trong khối tài sản chung của bà Kh và thừa kế trị giá 1/9 khối tài sản bà Kh, bà được thừa hưởng kỷ phần bà H1, bà Ch và bà H2. Còn lại kỷ phần ông G, Ch, Tr, H1 và công sức của bà Th bà tạm giữ. Khi nào có yêu cầu thì bà giao lại trị giá mỗi kỷ phần theo định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, nhà*" và "*Chia tài sản chung*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bà Nguyễn Thị Kh chết ngày 18/01/2015, trước khi chết bà Kh không để lại di chúc. Cha mẹ bà Kh tên Nguyễn Văn Gh và Lâm Thị Nh chết trước bà Kh. Bà Kh và bà K hai người nữ không chồng con. Cụ Nh và cụ Gh cho hai bà ra riêng tự tạo lập nhà cửa đất đai từ năm 1973, tài sản quyền sử dụng đất do bà Kh đứng tên. Chị em của bà Kh có tổng cộng 10 người gồm: Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Công Ch, Nguyễn Văn G và Nguyễn Thị U, ông S chết có vợ tên Nguyễn Thị L, các con tên Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn C. Khi bà Kh chết bà K yêu cầu được thừa kế chuyển tên quyền sử dụng đất nhà mà bà và bà Kh tạo lập sang tên bà thì có các ông bà Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Công Ch, Nguyễn Thị H 1 và Nguyễn Văn G không đồng ý nên bà cho rằng quyền và lợi ích của bà bị xâm phạm nên bà có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 BLTTDS. Yêu cầu của bà K còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định Điều 184 BLTTDS và Điều 623 Bộ luật dân sự 2015. Đối với các ông bà Nguyễn Minh Tr, Lê Thị L, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Thúy Ng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà.

[2] Nội dung các vấn đề đương sự thống nhất: Chị em của bà Khuynh có tổng cộng 10 người gồm: Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Công Ch, Nguyễn Văn G và Nguyễn Thị U, ông S chết có vợ tên Nguyễn Thị L, các con tên Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn C. Bà Kh và bà K không chồng con chung sống với nhau từ năm 1973. Các bà có xin người cháu con bà H2 tên Trần Thị Thanh Th lúc 03 tháng tuổi để nuôi và chung sống cùng nhau từ năm 1973 đến nay. Tài sản chung tạo lập của bà Kh và bà K là nhà, tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng phần đất diện tích 1.982,5m^2 thuộc các thửa 214, 215 (mpt) tờ

bản đồ số 4 xã Đức Lập Hạ, diện tích 505m^2 thuộc thửa 129 tờ bản đồ số 11 xã Đức Lập Hạ cất nhà ở như hiện nay. Năm 1980, bà và bà Kh mua được 1.755,4m^2 đất thuộc thửa 488 tờ bản đồ số 12 xã Đức Lập Thượng huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất trên do bà Nguyễn Thị Kh đứng tên. Bà Kh chết ngày 18/01/2015 không để lại di chúc. Các đương sự đều thừa nhận việc này nên Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung các vấn đề tranh chấp: Bà K cho rằng tài sản do bà và bà Kh tạo ra nên bà Kh chết thì bà là người đứng tên thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà nhưng không được các anh chị em của bà như ông Ch, ông G, bà H1, bà Tr chấp nhận. Hội đồng xet xử thấy rằng toàn bộ tài sản nhà đất bà Kh và bà K tạo lập được định giá là: 943.950.743 đồng. Cần trích công sức đóng góp của vợ chồng các con bà Th tương ứng 2/10 trên tổng trị giá để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự với số tiền là 943.950.743 đồng : 10 = 94.395.074 x2 = 188.790.148 đồng. Số còn lại 943.950.743 – 188.790.148 = 755.160.595 đồng là trị giá tài sản của bà Kh và bà K nên chia đôi mỗi người một nữa là 755.160.595 : 2 = 377.580.297 đồng. Kỷ phần của bà Kh chia cho 09 phần bằng nhau cho 09 anh chị em của bà Kh mỗi người một kỷ phần trị giá là 377.580.297: 9 = 41.953.366 đồng. Bà K được chia tài sản của bà ½ là 377.580.297 và 1/9 kỷ phần của bà trong khối di sản của bà Kh và bà được hưởng 03 kỷ phần của bà U, bà Ch, bà H. Tổng cộng trị giá bà được hưởng là 545.393.762 đồng, kỷ phần của ông Ch, ông G, bà H1, bà Tr đối với di sản của Kh do những người này chưa yêu cầu chia nên bà K tạm giữ. Khi nào những người này có yêu cầu thì bà K giao lại mỗi người 41.953.366 đồng. Đối với công sức của bà Th tại phiên tòa bà chưa yêu cầu có ý kiến rút đơn khởi kiện nên phần trị giá công sức của bà Th là 188.790.148 đồng bà K tạm giữ khi nào bà Th có yêu cầu thì bà K giao lại số tiền trên. Do đó cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc tranh chấp chia công sức đóng góp của bà Th. Nhà đất tranh chấp là của bà K đang quản lý sử dụng nên cần giao toàn bộ cho bà K được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Đối với bà Th, ông Ch, ông G chưa yêu cầu nhận tiền nên bà K tạm giữ khi nào những người này có yêu cầu nhận thì bà K sẽ giao lại số tiền mỗi người như đã phân tích nêu trên. Nếu bà K không giao thì các ông bà có quyền khởi kiện tranh chấp đòi tài sản theo quy định.

Ngoài ra cần kiến nghị UBND huyện Đức Hòa thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Kh để bà K kê khai đăng ký lại theo quy định.

[4] Về chi phí định giá và thẩm định tại chổ: Bà K có nộp 5.230.000 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng) đã chi phí hết nên bà K phải chịu số

tiền này.

[5] Về án phí: Bà K không phải nộp án phí phần được nhận tài sản và án phí bác yêu cầu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Hoàn lại án phí cho bà K, bà Th.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 273, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 210, Điều 216, Điều 217, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 166 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K "*Tranh chấp chia tài sản chung" và "Thừa kế quyền sử dụng đất, nhà* " với ông Nguyễn Công Ch, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Tr nhà và đất diện tích 1.982,5m^2 thuộc các thửa 214, 215 (mpt) tờ bản đồ số 4 xã Đức Lập Hạ; diện tích 505m^2 thuộc thửa 129 tờ bản đồ số 11 xã Đức Lập Hạ; 1.755,4m^2 đất thuộc thửa 488 tờ bản đồ số 12 xã Đức Lập Thượng huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2/ Bà Nguyễn Thị K được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất và được quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.982,5m^2 thuộc các thửa 214, 215 (mpt) loại đất ONT, LUC tờ bản đồ số 4 xã Đức Lập Hạ; diện tích 505m^2 thuộc thửa 129 tờ bản đồ số 11 xã Đức Lập Hạ; 1.755,4m^2 đất thuộc thửa 488 lại đất LUK tờ bản đồ số 12 xã Đức Lập Thượng huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vị trí đất có kèm theo mảnh trích đo địa chính do công ty TNHH nhà đất Hưng Phú lập được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa duyệt ngày 15/9/2017 và ngày 24/8/2017; trích lục bản đồ địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa cấp ngày 03/02/2017. Bà Nguyễn Thị Khuỳnh được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

3/ Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Kh đứng tên cấp ngày 06/12/1997 và 06/10/2000.

4/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh Thanh Th về việc tranh chấp yêu cầu chia phần công sức đóng góp duy trì phát triển tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kh và Nguyễn Thị K.

5/Chi phí định giá, thẩm định: Bà K chịu 5.230.000 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng) đã nộp xong và chi phí hết.

6/Về án phí: Bà Nguyễn Thị K không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị K 5.375.000 đồng theo biên lai số 315 ngày 18/4/2017 và 300.000 đồng theo biên lai số 316 ngày 18/4/2017 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa. Hoàn lại cho bà Trần Thị Thanh Th 4.000.000 đồng theo biên lai số 765 ngày 22/6/2017 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những đương sự vắng mặt tại phân tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hoàng – Trần Thị Kim Hoa **Nguyễn Thị Mộng Thúy**

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Chiến- Trần Trọng Nghĩa Nguyễn Thị Mộng Thủy